

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN
YÊN BÁI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán | 7 - 53 |
| <i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> | 7 - 10 |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2025</i> | 11 |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2025</i> | 12 - 13 |
| <i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025</i> | 14 - 48 |
| <i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i> | 49 - 53 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (trước đây là Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bái) được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-UB ngày 17 tháng 12 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200216647 ngày 01 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp bổ sung 14 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, tên công ty, người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ của công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 04 năm 2025 thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14: 118.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2025: 118.000.000.000 đồng

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Số 274, đường Hương Lý, thôn 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Điện thoại : 0216 3885154
Fax : 0216 3885585
E-mail : ximangyb@gmail.com
Website : www.ybcmjsc.com
Mã số thuế : 5200216647

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|------------------------|---------------------------|
| Nhà máy xi măng | Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai |
| Xí nghiệp khai thác đá | Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai |
| Nhà máy chế biến | Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai |

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 53).

SỰ KIỆN ẢNH HƯỞNG ĐÁNG KỂ ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 105.573.612.032 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình Bắc Yên Bái cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính được lập theo giá định Hoạt động liên tục là phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tổng hợp này bao gồm:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------------|----------|
| Ông Vũ Xuân Nguyên | Chủ tịch |
| Ông Phạm Quang Phú | Ủy viên |
| Ông Phạm Việt Thương | Ủy viên |

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Quang Chiến | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Văn Đức | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Thành viên |

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

| Họ và tên | Chức vụ |
|------------------------|--------------|
| Ông Phạm Quang Phú | Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hồng Phong | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Quang Chiến | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Đức | Phó Giám đốc |

Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ |
|-----------------------|----------------|
| Bà Vũ Thị Hồng Nhung | Kế toán trưởng |
| Ông Nguyễn Đình Hoàng | Kế toán trưởng |

Bổ nhiệm ngày 01/11/2025

Miễn nhiệm ngày 01/11/2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Giám đốc,



Phạm Quang Phú



Số : 2912.02/2025/BCTC- NVTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025

Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026 từ trang 07 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh VIII.7 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 105.573.612.032 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chúng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình Bắc Yên Bái cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Vì vậy Ban Giám đốc cho rằng việc lập Báo cáo tài chính theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI
Phó Giám đốc



Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

Nguyễn Thị Thúy

GCNĐKHNKT số: 6229-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| | Mã Thuyết số minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 592.768.854.182 | 686.908.399.703 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 6.062.226.892 | 7.092.360.388 |
| 1. Tiền | 111 | 6.062.226.892 | 7.092.360.388 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 270.768.904.943 | 400.721.920.786 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 171.682.786.017 | 372.802.519.043 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 102.161.471.264 | 29.090.958.428 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a 4.780.975.289 | 6.768.565.487 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 (7.856.327.627) | (7.940.122.172) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 306.652.037.458 | 268.017.920.211 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 306.652.037.458 | 268.017.920.211 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 9.285.684.889 | 11.076.198.318 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a 1.312.105.114 | 1.273.348.023 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | 7.973.579.775 | 9.802.850.295 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|-------|--|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | | | | |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | | | | |
| 1. | 210 | Phải thu dài hạn của khách hàng | 729.643.832.461 | 683.550.688.487 |
| 2. | 211 | Trả trước cho người bán dài hạn | 3.476.267.135 | 5.058.307.484 |
| 3. | 212 | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | - | - |
| 4. | 213 | Phải thu nội bộ dài hạn | - | - |
| 5. | 214 | Phải thu về cho vay dài hạn | - | - |
| 6. | 215 | Phải thu dài hạn khác | 3.476.267.135 | 5.058.307.484 |
| 7. | 216 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | - | - |
| II. Tài sản cố định | | | | |
| 1. | 220 | Tài sản cố định hữu hình | 632.422.833.680 | 643.370.866.614 |
| | 221 | Nguyên giá | 599.245.176.108 | 606.556.522.042 |
| | 222 | Giá trị hao mòn lũy kế | 1.088.060.828.081 | 1.057.027.559.013 |
| | 223 | | (488.815.651.973) | (450.471.036.971) |
| 2. | 224 | Tài sản cố định thuê tài chính | 33.122.657.572 | 36.748.344.572 |
| | 225 | Nguyên giá | 41.139.960.382 | 41.139.960.382 |
| | 226 | Giá trị hao mòn lũy kế | (8.017.302.810) | (4.391.615.810) |
| 3. | 227 | Tài sản cố định vô hình | 55.000.000 | 66.000.000 |
| | 228 | Nguyên giá | 272.436.364 | 272.436.364 |
| | 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | (217.436.364) | (206.436.364) |
| III. Bất động sản đầu tư | | | | |
| | 230 | Nguyên giá | - | - |
| | 231 | Giá trị hao mòn lũy kế | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | | | | |
| 1. | 240 | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 84.951.972.372 | 24.361.908.031 |
| 2. | 241 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 84.951.972.372 | 24.361.908.031 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | | | | |
| 1. | 250 | Đầu tư vào công ty con | 5.262.469.000 | 4.825.931.227 |
| 2. | 251 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | - | - |
| 3. | 252 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 4.262.469.000 | 4.262.469.000 |
| 4. | 253 | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | - | (436.537.773) |
| 5. | 254 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | | | | |
| 1. | 260 | Chi phí trả trước dài hạn | 3.530.290.274 | 5.933.675.131 |
| 2. | 261 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 3.530.290.274 | 5.933.675.131 |
| 3. | 262 | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | - | - |
| 4. | 263 | Tài sản dài hạn khác | - | - |
| | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | | 1.322.412.686.643 | 1.370.459.088.190 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | | Mã Thuyết số minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | | | | |
| I. Nợ ngắn hạn | | | | |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 310 | 1.177.183.997.422 | 1.232.844.954.455 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 311 | 698.342.466.214 | 808.971.071.743 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 312 | 143.825.761.727 | 369.127.254.313 |
| 4. | Phải trả người lao động | 313 | 155.551.099.209 | 78.026.793.464 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 314 | 9.798.162.877 | 12.758.159.075 |
| 6. | Phải trả nội bộ ngắn hạn | 315 | 11.986.359.362 | 19.638.617.303 |
| 7. | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 316 | 13.043.958.039 | 13.663.517.240 |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 317 | - | - |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 318 | - | 22.863.954 |
| 10. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 319 | 10.460.592.019 | 23.139.234.450 |
| 11. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | 353.676.532.981 | 292.594.631.944 |
| 12. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 321 | - | - |
| 13. | Quỹ bình ổn giá | 322 | - | - |
| 14. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 323 | - | - |
| 324 | | | | |
| II. Nợ dài hạn | | | | |
| 1. | Phải trả người bán dài hạn | 330 | 478.841.531.208 | 423.873.882.712 |
| 2. | Người mua trả tiền trước dài hạn | 331 | 153.362.480.367 | 141.000.000.000 |
| 3. | Chi phí phải trả dài hạn | 332 | - | - |
| 4. | Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 333 | - | - |
| 5. | Phải trả nội bộ dài hạn | 334 | - | - |
| 6. | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 335 | - | - |
| 7. | Phải trả dài hạn khác | 336 | - | - |
| 8. | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 337 | - | - |
| 9. | Trái phiếu chuyển đổi | 338 | 325.479.050.841 | 282.873.882.712 |
| 10. | Cổ phiếu ưu đãi | 339 | - | - |
| 11. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 340 | - | - |
| 12. | Dự phòng phải trả dài hạn | 341 | - | - |
| 13. | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 342 | - | - |
| | | 343 | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | | Mã Thuyết số minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|--|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | | |
| I. Vốn chủ sở hữu | | | | |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 410 | 145.228.689.221 | 137.614.133.735 |
| - | Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411 | 118.000.000.000 | 118.000.000.000 |
| - | Có phiếu ưu đãi | 411a | 118.000.000.000 | 118.000.000.000 |
| - | | 411b | - | - |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 9.086.494.455 | 9.086.494.455 |
| 3. | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | - | - |
| 4. | Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 261.000.000 | 261.000.000 |
| 5. | Có phiếu quỹ | 415 | (258.200.000) | (258.200.000) |
| 6. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | - | - |
| 7. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | - | - |
| 8. | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 8.492.110.068 | 8.492.110.068 |
| 9. | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | - | - |
| 10. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | - | - |
| 11. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 9.647.284.698 | 2.032.729.212 |
| - | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 2.032.729.212 | (12.419.173.864) |
| - | LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 7.614.555.486 | 14.451.903.076 |
| 12. | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | | | |
| 1. | Nguồn kinh phí | 430 | - | - |
| | | 431 | - | - |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | | 1.322.412.686.643 | 1.370.459.088.190 |

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Vũ Quang Linh

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Nhung

Phạm Quang Phú



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| | Mã Thuyết số | minh | Năm nay | Năm trước |
|-----|--------------|-------|-----------------|-----------------|
| 1. | 01 | VI.1 | 880.528.990.342 | 846.783.712.063 |
| 2. | 02 | | 137.029.000 | 2.402.803.682 |
| 3. | 10 | | 880.391.961.342 | 844.380.908.381 |
| 4. | 11 | VI.2 | 779.901.477.453 | 741.449.379.237 |
| 5. | 20 | | 100.490.483.889 | 102.931.529.144 |
| 6. | 21 | VI.3 | 89.867.803 | 438.434.861 |
| 7. | 22 | VI.4 | 54.355.371.580 | 45.217.934.366 |
| | 23 | | 52.086.039.433 | 41.512.264.052 |
| 8. | 25 | VI.5 | 13.603.796.804 | 15.591.782.169 |
| 9. | 26 | VI.6 | 15.871.849.243 | 14.158.309.739 |
| 10. | 30 | | 16.749.334.065 | 28.401.937.731 |
| 11. | 31 | VI.7 | 4.728.000 | 144.055.556 |
| 12. | 32 | VI.8 | 6.606.861.164 | 9.288.464.287 |
| 13. | 40 | | (6.602.133.164) | (9.144.408.731) |
| 14. | 50 | | 10.147.200.901 | 19.257.529.000 |
| 15. | 51 | | 2.532.645.415 | 4.805.625.924 |
| 16. | 52 | | - | - |
| 17. | 60 | | 7.614.555.486 | 14.451.903.076 |
| 18. | 70 | VI.9 | 646,72 | 1.227,42 |
| 19. | 71 | VI.10 | 646,72 | 1.227,42 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2026



Vũ Quang Linh

Vũ Thị Hồng Nhung

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 10.147.200.901 | 19.257.529.000 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 51.094.243.713 | 40.193.983.064 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (520.332.318) | (193.568.686) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | (65.999) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 2.048.065.614 | (68.764.676) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 52.086.039.433 | 41.512.264.052 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 114.855.217.343 | 100.701.376.755 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 135.200.925.592 | (43.034.505.252) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (38.634.117.247) | (159.098.236.318) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (159.415.163.928) | 151.004.968.107 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 2.623.733.766 | 5.336.655.571 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (49.745.921.195) | (39.508.110.848) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (4.805.625.924) | (5.450.503.424) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 79.048.407 | 9.951.644.591 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (106.683.070.918) | (115.010.398.848) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 1.819.816.000 | 8.073.933.555 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 67.003.849 | 68.764.676 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (104.796.251.069) | (106.867.700.617) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|------------------------|-----------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 994.961.791.384 | 737.624.998.974 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (883.264.215.997) | (620.664.986.081) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | (8.010.506.221) | (17.633.602.028) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 103.687.069.166 | 99.326.410.865 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (1.030.133.496) | 2.410.354.839 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 7.092.360.388 | 4.681.939.550 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | 65.999 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 6.062.226.892 | 7.092.360.388 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vũ Quang Linh

Vũ Thị Hồng Nhung

Phạm Quang Phú

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, thôn 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất xi măng;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
 - Kinh doanh thương mại - dịch vụ;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Xây dựng công trình dân dụng./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán công ty có 277 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 290 nhân viên).

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Không có.

7. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|------------------------|---------------------------|
| Nhà máy xi măng | Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai |
| Xí nghiệp khai thác đá | Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai |
| Nhà máy chế biến | Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai |

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC tổng hợp:

Số liệu BCTC tổng hợp năm 2025 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp năm 2024.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản-tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tồn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 10 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 04 – 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 – 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 – 05 |

7. Tài sản cố định thuế tài chính

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuế. Tài sản cố định thuế tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuế tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuế tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu cho việc thuế tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuế tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuế thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuế tài sản.

Tài sản cố định thuế tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuế thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuế và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuế tài chính như sau:

| | |
|-----------------------------|---------------|
| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
| Máy móc và thiết bị | 9-20 |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5-10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ..

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị số sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tăng, biểu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá số sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tồn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

21. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn có định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 3.574.045.607 | 322.231.683 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.488.181.285 | 6.770.128.705 |
| Cộng | 6.062.226.892 | 7.092.360.388 |

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với tỷ lệ 1,67%

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|---------------|----------------------|
| Số đầu năm | (436.537.773) | (786.434.569) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | - |
| Hoàn nhập dự phòng (*) | 436.537.773 | 349.896.796 |
| Số cuối năm | - | (436.537.773) |

(*) Số hoàn nhập trong năm 2025 dựa trên số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình chưa được kiểm toán.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2020, kỳ hạn trái phiếu 07 năm. Đang được cầm cố tại chính ngân hàng này (Xem thuyết minh V.18)

| 3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Hoàng Nghĩa Ruby | 11.377.961.890 | 11.377.961.890 |
| Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng Thuận Môn | 7.791.122.577 | 52.573.197.200 |
| Công ty TNHH MTV Thuận Hiếu | - | 56.516.279.720 |
| Công ty TNHH XNK Sơn Hoàng | 45.646.313.155 | 17.086.153.255 |
| Công ty TNHH Vân Long | - | 35.881.858.000 |
| Các khách hàng khác | 106.867.388.395 | 199.367.068.978 |
| Cộng | 171.682.786.017 | 372.802.519.043 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|-----------------------|
| HTX Khai thác Dịch vụ Thương mại và Vận chuyển đá Thanh Hải | 27.113.957.356 | 7.459.852.040 |
| Công ty TNHH MTV thương mại và XNK Cường Anh | 30.998.690.120 | - |
| Công ty TNHH thiết bị thông minh Kiến An Nam Kinh | 11.411.285.035 | - |
| Công ty TNHH Nguyên Sinh Phú Thọ | 17.026.870.692 | 6.045.313.760 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Thiết bị máy Cường Thịnh | - | 6.671.405.500 |
| Các nhà cung cấp khác | 15.610.668.061 | 8.914.387.128 |
| Cộng | 102.161.471.264 | 29.090.958.428 |

5. Các khoản phải thu khác**a) Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | Số đầu năm | | |
|----------------------------------|----------------------|------------|----------------------|---|
| Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng | |
| Tạm ứng | 1.635.555.170 | - | 1.297.435.170 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 3.145.420.119 | - | 5.471.130.317 | - |
| Cộng | 4.780.975.289 | - | 6.768.565.487 | - |

b) Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | (7.940.122.172) | (7.783.794.062) |
| Tăng do trích lập trong năm | (156.328.110) | (156.328.110) |
| Hoàn nhập trong năm | 240.122.655 | - |
| Số cuối năm | (7.856.327.627) | (7.940.122.172) |

Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi xem phụ lục số 01.

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 281.896.024.328 | 246.868.405.061 |
| Công cụ, dụng cụ | 2.600.001 | 2.600.000 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 13.811.806.149 | 6.643.264.173 |
| Thành phẩm | 10.941.606.980 | 14.503.650.977 |
| Cộng | 306.652.037.458 | 268.017.920.211 |

8. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 194.981.983 | 97.139.696 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.117.123.131 | 1.176.208.327 |
| Cộng | 1.312.105.114 | 1.273.348.023 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Chi phí trả trước dài hạn**

| | Số đầu năm | | Tăng trong năm | | Kết chuyển vào chi phí trong năm | | Số cuối năm | |
|------------------------------------|----------------------|--|--------------------|------------------------|----------------------------------|--|-------------|--|
| | | | | | | | | |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ | 4.837.267.270 | | 442.552.066 | (2.463.019.526) | 2.816.799.810 | | | |
| Công cụ dụng cụ | 441.948.993 | | 96.725.000 | (211.374.280) | 327.299.713 | | | |
| Bảo hiểm rủi ro TS thuê tài chính | 108.908.868 | | - | (42.517.038) | 66.391.830 | | | |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 545.550.000 | | 301.471.720 | (527.222.799) | 319.798.921 | | | |
| Cộng | 5.933.675.131 | | 840.748.786 | (3.244.133.643) | 3.530.290.274 | | | |

9. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc | | Máy móc và thiết bị | | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | | Thiết bị dụng cụ quản lý | | Cộng |
|-------------------------|------------------------|--|------------------------|--|---------------------------------|--|--------------------------|--|--------------------------|
| | | | | | | | | | |
| Số đầu năm | 264.615.018.417 | | 763.965.725.668 | | 26.967.656.760 | | 1.479.158.168 | | 1.057.027.559.013 |
| Mua trong năm | - | | 2.713.875.000 | | - | | 54.000.000 | | 2.767.875.000 |
| Đầu tư XD CB hoàn thành | - | | 43.388.221.242 | | - | | - | | 43.388.221.242 |
| Thanh lý, dỡ bỏ | - | | (13.134.295.872) | | (1.988.531.302) | | - | | (15.122.827.174) |
| Số cuối năm | 264.615.018.417 | | 796.933.526.038 | | 24.979.125.458 | | 1.533.158.168 | | 1.088.060.828.081 |

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

38.142.439.229 75.089.406.157 13.612.461.419 1.143.158.168 127.987.464.973

Giá trị hao mòn

| | | | | | | | | | |
|--------------------|------------------------|--|------------------------|--|-----------------------|--|----------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm | 137.087.231.785 | | 292.082.766.663 | | 20.035.294.941 | | 1.265.743.582 | | 450.471.036.971 |
| Khấu hao trong năm | 10.752.223.070 | | 34.548.732.502 | | 2.131.468.899 | | 25.132.242 | | 47.457.556.713 |
| Thanh lý, dỡ bỏ | - | | (7.369.822.867) | | (1.743.118.844) | | - | | (9.112.941.711) |
| Phân loại lại | (1.040.431.692) | | 1.037.235.508 | | (20.136.061) | | 23.332.245 | | - |
| Số cuối năm | 146.799.023.163 | | 320.298.911.806 | | 20.403.508.935 | | 1.314.208.069 | | 488.815.651.973 |

Giá trị còn lại

| | | | | | | | | | |
|--------------------|------------------------|--|------------------------|--|----------------------|--|--------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm | 127.527.786.632 | | 471.882.959.005 | | 6.932.361.819 | | 213.414.586 | | 606.556.522.042 |
| Số cuối năm | 117.815.995.254 | | 476.634.614.232 | | 4.575.616.523 | | 218.950.099 | | 599.245.176.108 |

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 873.800.640.777 VND và 515.364.491.435 VND được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân và trung hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Yên Bình Bắc Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI
 Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuế tài chính

| | Máy móc thuế tài chính | Cộng |
|------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm | 41.139.960.382 | 41.139.960.382 |
| Số cuối năm | 41.139.960.382 | 41.139.960.382 |
| Giá trị hao mòn | | |
| Số đầu năm | 4.391.615.810 | 4.391.615.810 |
| Khấu hao trong năm | 3.625.687.000 | 3.625.687.000 |
| Số cuối năm | 8.017.302.810 | 8.017.302.810 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm | 36.748.344.572 | 36.748.344.572 |
| Số dư cuối năm | 33.122.657.572 | 33.122.657.572 |

11. Tài sản cố định vô hình
 Là chương trình phần mềm

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------|--------------------|----------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 272.436.364 | (206.436.364) | 66.000.000 |
| Tăng trong năm | - | (11.000.000) | (11.000.000) |
| Số cuối năm | 272.436.364 | (217.436.364) | 55.000.000 |

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

162.436.364

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ | Kết chuyển vào chi phí trả trước | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-----------------------------|-------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang hình thành TSCĐ | 24.044.062.031 | 92.521.414.618 | (43.388.221.242) | - | 73.177.255.407 |
| Nhà vệ sinh NMCB | 11.528.636 | - | - | - | 11.528.636 |
| Xây dựng hạng mục khác | 8.206.830.031 | - | - | - | 8.206.830.031 |
| Nâng cấp, cải tạo máy nghiền xi măng số 2 | 1.168.318.146 | 1.593.212.000 | - | - | 2.761.530.146 |
| Nâng cấp, cải tạo máy nghiền xi măng số 1 | - | 3.751.507.500 | - | - | 3.751.507.500 |
| Nâng cấp, cải tạo máy nghiền liệu LQ057 | 3.448.015.500 | 2.090.475.000 | - | - | 5.538.490.500 |
| Nâng cấp, cải tạo lò nung Clinker | - | 18.366.698.759 | - | - | 18.366.698.759 |
| Dự án tận dụng nhiệt khí thải lò nung Clinker để phát điện nhà máy xi măng Yên Bái | - | 2.828.771.261 | - | - | 2.828.771.261 |
| Đo đạc lập hồ sơ mỏ Mông Sơn - Xi khai thác đá | 87.081.800 | - | - | - | 87.081.800 |
| Kho chứa nguyên vật liệu | 238.211.548 | - | - | - | 238.211.548 |
| Nâng cấp, cải tạo máy đóng bao TN017 | 101.322.182 | - | - | - | 101.322.182 |
| Nâng cấp, cải tạo máy đập búa LQ032 | 129.640.000 | - | - | - | 129.640.000 |
| Nâng cấp, cải tạo máy nghiền than LQ157 | 382.700.000 | 1.005.206.000 | - | - | 1.387.906.000 |
| Nâng cấp, cải tạo máy nghiền xi măng số 3 XM2020.09 | 2.786.819.364 | 438.100.000 | - | - | 3.224.919.364 |
| Dự án cải tạo, thay thế, lắp mới một số thiết bị công nghệ, giám CPSXXM, tăng HQSXKD | - | 594.088.401 | - | - | 594.088.401 |
| Nâng cấp, cải tạo máy cán ép số 1 | 615.827.900 | 86.880.000 | - | - | 702.707.900 |
| Cải tạo dây chuyền đốt nhiên liệu thay thế | 2.041.980.735 | 2.116.302.000 | - | - | 4.158.282.735 |
| Nâng cấp, cải tạo máy cán ép số 2 | 504.761.545 | 85.000.000 | - | - | 589.761.545 |
| Máy sấy nhiên liệu thay thế | 727.463.000 | - | - | - | 727.463.000 |
| Dây chuyền máy nghiền thủy lực | - | 19.583.313.342 | - | - | 19.583.313.342 |
| Lắp đặt công đoạn phân ly tiên nghiệm máy nghiền xi măng 1 | 3.406.360.887 | 32.069.821.234 | (35.476.182.121) | - | - |
| Lắp mới quạt ID và hệ thống đường ống gió | - | 7.912.039.121 | (7.912.039.121) | - | - |
| Dây chuyền máy đóng bao Jumbo | 187.200.757 | - | - | - | 187.200.757 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 317.846.000 | 11.715.976.965 | - | (259.106.000) | 11.774.716.965 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 317.846.000 | 11.715.976.965 | - | (259.106.000) | 11.774.716.965 |
| Cộng | 24.361.908.031 | 104.237.391.583 | (43.388.221.242) | (259.106.000) | 84.951.972.372 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Phải trả người bán**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Hoà Bình | 3.376.507.074 | 20.897.294.001 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Đại Dương | 3.109.023.168 | 8.409.023.168 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Thuận Môn | - | 20.368.989.948 |
| Công ty TNHH MTV Thuận Hiếu | - | 18.645.683.270 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hồng Phát | - | 20.913.585.471 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tiến Sa | 2.868.017.115 | 14.453.540.925 |
| Công ty TNHH SXDV và TM Quỳnh Anh | 2.795.291.198 | 2.867.363.798 |
| Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Liêu Ninh Junwei | 13.188.500.000 | - |
| Công ty TNHH Vân Long | - | 13.658.484.796 |
| Các nhà cung cấp khác | 118.488.423.172 | 248.913.288.936 |
| Cộng | 143.825.761.727 | 369.127.254.313 |

b) Phải trả người bán dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hồng Phát | 9.053.324.039 | 30.000.000.000 |
| Công ty TNHH Vân Long | 3.968.783.196 | 23.000.000.000 |
| Công ty TNHH MTV thương mại và xây dựng Thuận Môn | - | 25.000.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Thuận Hiếu | 2.241.172.850 | 34.000.000.000 |
| Hợp tác xã DVTM vận chuyển và khai thác đá Hoàng Tùng | 7.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần vận tải Bến Gót | 6.500.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thiên Phúc YB | 7.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Hưng Yên YB | 5.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Bình An YB | 11.976.386.414 | - |
| Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đức Giang | 7.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Công Nghiệp Tú Phong | 10.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH chế biến gỗ và than Tây Bắc | 32.622.813.868 | - |
| Công ty TNHH RUPI Hoàng Sơn | 22.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH SXDV và TM Quỳnh Anh | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tiến Sa | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Cộng | 153.362.480.367 | 141.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Rupi Hoàng Sơn | 23.516.288.642 | 7.628.528.442 |
| Công ty TNHH Nguyễn Sinh Phú Thọ | 34.732.754.106 | - |
| HTX khai thác dịch vụ TM và vận chuyển đá Thanh Hải | 33.585.933.510 | 27.167.830.160 |
| Ông Lương Đoàn Khuê | 6.623.636.939 | 6.170.800.240 |
| Ông Nguyễn Bá Ngọc | 5.613.705.370 | 7.887.495.220 |
| Đại lý Nguyễn Thu Lương | 61.110.676 | 3.419.483.676 |
| Bà Tô Thị Kim Hân | 1.004.436.010 | 5.500.237.710 |
| Các khách hàng khác | 50.413.233.956 | 20.252.418.016 |
| Cộng | 155.551.099.209 | 78.026.793.464 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 1.380.647.200 | (1.380.647.200) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.646.600.362 | 2.532.645.415 | (4.805.625.924) | 2.373.619.853 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 481.262.810 | 1.216.214.462 | (1.314.176.908) | 383.300.364 |
| Thuế tài nguyên | 3.239.309.225 | 5.498.915.546 | (5.428.293.146) | 3.309.931.625 |
| Tiền thuế đất | 2.238.437.897 | 1.306.523.004 | (2.211.073.251) | 1.333.887.650 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 2.152.548.781 | 5.898.631.444 | (5.653.756.840) | 2.397.423.385 |
| Cộng | 12.758.159.075 | 17.833.577.071 | (20.793.573.269) | 9.798.162.877 |

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%; 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 7.764.963.086 | 5.424.844.848 |
| Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Gia Long | - | 2.075.000.000 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 5.278.994.953 | 6.163.672.392 |
| Cộng | 13.043.958.039 | 13.663.517.240 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 818.588.300 | 385.869.180 |
| BHXH, BHYT, BHTN | 113.041.233 | - |
| Bảo hiểm xã hội (trợ cấp ốm đau, thai sản) | 3.771.013.230 | 3.771.013.230 |
| Công ty Cổ phần Lateca (Đặt cọc tiền mua thiết bị) | 650.000.000 | 650.000.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 35.000.000 | 35.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 1.859.000 | 1.859.000 |
| Vay Clinker của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình | 1.756.554.464 | 1.756.554.464 |
| Khách mua hàng gửi lại kho công ty | - | 11.504.011.119 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 3.314.535.792 | 5.034.927.457 |
| Cộng | 10.460.592.019 | 23.139.234.450 |

18. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 299.943.884.623 | 299.943.884.623 | 269.984.125.719 | 269.984.125.719 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (*)</i> | 199.943.984.623 | 199.943.984.623 | 169.984.225.719 | 169.984.225.719 |
| <i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình Bắc Yên Bái. (**)</i> | 99.999.900.000 | 99.999.900.000 | 99.999.900.000 | 99.999.900.000 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác | 36.850.000.000 | 36.850.000.000 | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 8.999.999.995 | 8.999.999.995 | 7.599.999.997 | 7.599.999.997 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (Chi tiết xem TM V.18b)</i> | 8.999.999.995 | 8.999.999.995 | 7.599.999.997 | 7.599.999.997 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 7.882.648.363 | 7.882.648.363 | 8.010.506.228 | 8.010.506.228 |
| <i>Công ty cho thuê tài chính Chaillease(Chi tiết xem TM V.18b)</i> | 7.882.648.363 | 7.882.648.363 | 8.010.506.228 | 8.010.506.228 |
| Cộng | 353.676.532.981 | 353.676.532.981 | 292.594.631.944 | 292.594.631.944 |

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/783294/HĐTD ngày 15 tháng 08 năm 2025. Hạn mức tín dụng 200.000.000.000 VND trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/783294/HĐTD ngày 15 tháng 08 năm 2024 sang. Mục đích vay vốn lưu động, phát hành L/C. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15 tháng 08 năm 2026, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất ngân hàng trong từng thời kỳ.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ giá trị tài sản trên đất và máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải của: Nhà máy chế biến CaCO3; Nhà máy xi măng công nghệ lò quay; Nhà máy xi măng lò đứng; Văn phòng công ty; Máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Trạm nghiên xi măng công suất 450.000 tấn/năm; Xí nghiệp khai thác đá thuộc Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÌNH

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- + Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho/hàng hóa luân chuyển của công ty theo hợp đồng khung thế chấp tài sản số 02/2023/78294/HĐĐB và biên bản định giá ngày 30/7/2025 giá trị tài sản thế chấp là 161.933.000.000 VNĐ
- + Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ/các khoản phải thu của công ty theo hợp đồng thế chấp số 01/2023/783294/HĐĐB ngày 31/07/2023 và Biên bản định giá ngày 30/7/2025 giá trị tài sản đảm bảo là 147.444.000.000 VNĐ.
- + Thế chấp tài sản là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dây chuyền nghiền phụ gia xi măng (dây chuyền nghiền số 3) và ô tô, xe máy chuyên dùng tại Nhà máy Xi măng của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 19.203.000.000 VNĐ.
- + Thế chấp tài sản là toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Nhà máy Chế biến CaCO₃ của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 5.759.100.000 VNĐ.
- + Thế chấp tài sản là toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Nhà máy xi măng lò quay và lò đứng của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 49.306.000.000 VNĐ.
- + Thế chấp tài sản là toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại khu văn phòng công ty của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 999.400.000 VNĐ.
- + Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ dự án Đầu tư xây dựng Trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm và các thiết bị đầu tư bổ sung cho Nhà máy xi măng của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 23.872.000.000 VNĐ.
- + Thế chấp tài sản là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án Đầu tư cải tạo nhằm tiết kiệm điện năng, nâng cao năng suất nghiền xi măng và nghiền bột Carbonat Canxi, tăng cường năng lực khai thác đá nguyên liệu tại Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 3.898.900.000 VNĐ.
- + Thế chấp tài sản là toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hình thành từ dự án cải tạo, nâng công suất nhà máy chế biến CaCO₃ của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 1.064.308.521 VNĐ.
- + Thế chấp tài sản là tàu vận chuyển tại Trạm đập đá vôi của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 800.000.000 VNĐ.
- + Thế chấp tài sản là toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, xe máy chuyên dùng thuộc Nhà máy xi măng công nghệ lò quay của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 49.127.500.000 VNĐ.
- + Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc nhà máy chế biến bột đá CaCO₃ của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 20.031.200.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- + Thẻ chấp tài sản là các hạng mục: Cái tạo lò nung, Hệ thống Ghi, Tháp trao đổi nhiệt, Lò nhiệt hóa rác thải của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại Xã Yên Bình - Tỉnh Lào Cai. Giá trị tài sản định giá là 199.876.000.000 VNĐ.
- (**) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Yên Bình Bắc Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng số 12.2024/HĐTD ngày 31 tháng 12 năm 2024. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VNĐ. Hạn mức tín dụng trên bao gồm dự của Hợp đồng tín dụng số 01.2024/HĐTD ngày 28 tháng 03 năm 2024 chuyển sang. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động và các hình thức cấp tín dụng khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025-2026. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất quy định trên từng từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng thế chấp như sau:
 - + Thẻ chấp tài sản là Dây chuyền máy móc thiết bị (dành cho nhiên liệu thay thế) gồm: Hệ thống cứu hỏa, Hệ thống nhà kho chứa nhiên liệu thay thế; Hệ thống nghiền nhiên liệu thay thế; Hệ thống băng tải cấp nhiên liệu thay thế; Hệ thống bùồng đốt phụ; Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0623.2023/HĐTC ngày 16/01/2023 giữa ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 29.188.525.524 VNĐ.
 - + Thẻ chấp tài sản là Máy đào bánh lốp BD95W-9B1 nhãn hiệu BAODING; Máy xúc lật SDLG nhãn hiệu SDLG theo Hợp đồng thế chấp phương tiện máy móc số 0323.2023/HĐTC ngày 16/1/2023 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 1.680.904.883 VNĐ.
 - + Thẻ chấp tài sản là Hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp phương tiện máy móc số 0923.2023/HĐTC ngày 27/9/2023 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 12.187.801.732 VNĐ.
 - + Thẻ chấp tài sản là Máy xúc lật SDLG và máy xúc đào bánh xích của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp phương tiện máy móc số 02.2024/HĐTC ngày 18/03/2024 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 10.954.296.386 VNĐ.
 - + Thẻ chấp tài sản là máy xúc lật SDLG và máy xúc đào bánh xích của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01.2024/HĐTC ngày 18/03/2024 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 2.257.743.057 VNĐ.
 - + Thẻ chấp tài sản là máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp phương tiện máy móc số 03.2024/HĐTC ngày 29/03/2024 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 8.415.000.000 VNĐ.
 - + Cầm cố tài sản là Trái phiếu Agribank theo Hợp đồng cầm cố tài sản số: 03-2021/ HĐTC ngày 10/03/2021 giữa Ngân hàng và Bên cầm cố là Công ty Cổ phần xi măng và khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 1.000.000.000 VNĐ.
 - + Thẻ chấp tài sản là hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12-2024/HĐTC ngày 26/12/2024 giữa Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 2.175.806.219 VND.

+ Thế chấp tài sản là hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12-2024/HĐTC ngày 26/12/2024 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 2.175.806.219 VND.

+ Thế chấp tài sản là dây chuyền máy móc thiết bị thuộc Trạm nghiền xi măng công suất 500.000 tấn/năm do Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái đầu tư theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 04.2022-TH/HĐTC-479 ngày 29/03/2022 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 28.603.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ | | Số cuối năm |
|--|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------------------|------------------------|
| | | | Số tiền vay phát sinh trong năm | vay và nợ dài hạn | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 269.984.125.719 | 791.152.174.899 | - | (761.192.415.995) | 299.943.884.623 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (*) | 169.984.225.719 | 408.623.999.881 | - | (378.664.240.977) | 199.943.984.623 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình Bắc Yên Bái. (**) | 99.999.900.000 | 382.528.175.018 | - | (382.528.175.018) | 99.999.900.000 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác | 7.000.000.000 | 65.850.000.000 | - | (36.000.000.000) | 36.850.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 7.599.999.997 | - | 9.000.000.000 | (7.600.000.002) | 8.999.999.995 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái | 7.599.999.997 | - | 9.000.000.000 | (7.600.000.002) | 8.999.999.995 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 8.010.506.228 | - | 7.882.648.356 | (8.010.506.221) | 7.882.648.363 |
| Công ty cho thuê tài chính Chailease | 8.010.506.228 | - | 7.882.648.356 | (8.010.506.221) | 7.882.648.363 |
| Cộng | 292.594.631.944 | 857.002.174.899 | 16.882.648.356 | (812.802.922.218) | 353.676.532.981 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn ngân hàng | | | | |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (1)</i> | 103.235.842.589 | 103.235.842.589 | 89.774.826.104 | 89.774.826.104 |
| Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác | | | | |
| <i>Ông Nguyễn Ngọc Phương (4)</i> | 24.600.000.000 | 24.600.000.000 | 24.600.000.000 | 24.600.000.000 |
| <i>Ông Vũ Xuân Nguyễn (3)</i> | - | - | 15.800.000.000 | 15.800.000.000 |
| <i>Bà Vũ Thị Thanh Ngân (3)</i> | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| <i>Bà Lê Thị Thanh Hương (3)</i> | - | - | 13.470.000.000 | 13.470.000.000 |
| <i>Bà Ninh Thị Tuyền (3)</i> | - | - | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| <i>Ông Lê Văn Tâm (3)</i> | 10.800.000.000 | 10.800.000.000 | 10.800.000.000 | 10.800.000.000 |
| <i>Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác (3)</i> | 23.770.000.000 | 23.770.000.000 | 33.900.000.000 | 33.900.000.000 |
| <i>Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác (4)</i> | 147.288.099.400 | 147.288.099.400 | 58.861.299.400 | 58.861.299.400 |
| Nợ thuê tài chính | | | | |
| <i>Công ty cho thuê tài chính Chaitlease (2)</i> | 3.785.108.852 | 3.785.108.852 | 11.667.757.208 | 11.667.757.208 |
| Cộng | 325.479.050.841 | 325.479.050.841 | 282.873.882.712 | 282.873.882.712 |

(1) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam – Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng tín dụng sau:

a, Hợp đồng số 02/2021/783294/HĐTĐ ngày 15/07/2021. Mục đích vay: Hoàn vốn đầu tư và thanh toán chi phí Dự án tạo, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, nhà cửa vật kiến trúc thuộc Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái nhằm nâng cao năng lực sản xuất. Số tiền vay: 20.000.000.000 VND với thời gian 7 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm áp dụng đến ngày 10/01/2022 và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BHDB; Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, nhà cửa vật kiến trúc thuộc Công ty cổ phần Xi măng và khoáng sản Yên Bái.

b, Hợp đồng tín dụng số 02/2023/783294/HĐTĐ ngày 28/12/2023, mục đích vay bảo lãnh thực hiện dự án cải tạo, thay thế, lắp đặt mới một số thiết bị công nghệ, giảm chi phí sản xuất xi măng, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái. Số tiền vay 80.000.000.000 VND với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm và được điều chỉnh 12 tháng/lần theo thông báo lãi suất.

-Tài sản đảm bảo là bất động sản thuộc sở hữu bên thứ 3 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2023/783294/HĐBĐ ngày 27/12/2023. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo Biên bản định giá số 11/2023/783294/BBDG ngày 27/12/2023 là 3.040.000.000 VND.

-Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản và quyền tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư dự án Cải tạo, thay thế, lắp mới một số thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh gồm: Lò quay; hệ thống cyclom tháp trao đổi nhiệt; hệ thống ghi lam nguội clinker, lò nhiệt phân rác thải. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 118.700.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(2) Là khoản thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số 230360712 ngày 31/03/2023, tài sản thuê bao gồm: Máy nghiền bột đá; Máy tráng phủ; Máy sấy sỉ bông; Máy cán ép. Tổng giá trị tài sản thuê là 17.756.994.306 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
- Hợp đồng thuê tài chính số 231112812 ngày 10/11/2023, tài sản thuê bao gồm: Máy nghiền rulo clanke kiểu XYG140-80; Sàng quay đôi; Hệ thống gầu tải B800xL28500 – model N-TGD800H-L28500. Tổng giá trị tài sản thuê là 10.259.261.280 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
- Hợp đồng thuê tài chính số C201108612, tài sản thuê bao gồm: Máy cán ép, Hệ thống lọc bụi xử lý khí thải, Máy đóng bao, tổng giá trị tài sản thuê là 21.924.754.306 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
- Hợp đồng thuê tài chính số C240717412, tài sản thuê bao gồm: Máy cán ép, Hệ thống lọc bụi xử lý khí thải, Máy đóng bao, tổng giá trị tài sản thuê là 17.047.714.516 VND, thời hạn cho thuê là 36 tháng.

(3) Là khoản vay các tổ chức, cá nhân khác theo các khế ước cho vay với thời gian tối thiểu là 10 năm, tối đa 20 năm (theo từng khế ước và biên bản thỏa thuận), lãi suất theo từng khế ước, mục đích sử dụng vốn là dùng cho Dự án cải tạo, thay thế, lắp mới một số thiết bị công nghệ, giảm CPSX, tăng hiệu quả kinh doanh và phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

(4) Là khoản vay các cá nhân khác theo các khế ước cho vay với số dư đến thời điểm 31/12/2025 là 58.861.299.400 VND thời gian vay từ 18 tháng đến tối đa 24 tháng, lãi suất theo từng khế ước, mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn lưu động cho công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | Số cuối năm |
|---|------------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 89.774.826.104 | 22.461.016.485 | - | (9.000.000.000) | 103.235.842.589 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái | 89.774.826.104 | 22.461.016.485 | - | (9.000.000.000) | 103.235.842.589 |
| Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác | 181.431.299.400 | 115.498.600.000 | (78.471.800.000) | - | 218.458.099.400 |
| Nợ thuê tài chính | 11.667.757.208 | - | - | (7.882.648.356) | 3.785.108.852 |
| Công ty cho thuê tài chính Chailease | 11.667.757.208 | - | - | (7.882.648.356) | 3.785.108.852 |
| Cộng | 282.873.882.712 | 137.959.616.485 | (78.471.800.000) | (16.882.648.356) | 325.479.050.841 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOẢNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ đầu tư sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------|---------------------------|----------------------|-------------------------|---------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------|
| Số đầu năm trước | 118.000.000,000 | 9.086.494,455 | 261.000,000 | (258.200,000) | 8.492.110,068 | (12.419.173,864) | 123.162.230,659 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | 14.451.903,076 | 14.451.903,076 |
| Số dư cuối năm trước | 118.000.000,000 | 9.086.494,455 | 261.000,000 | (258.200,000) | 8.492.110,068 | 2.032.729,212 | 137.614.133,735 |
| Số dư đầu năm nay | 118.000.000,000 | 9.086.494,455 | 261.000,000 | (258.200,000) | 8.492.110,068 | 2.032.729,212 | 137.614.133,735 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | - | 7.614.555,486 | 7.614.555,486 |
| Số dư cuối năm nay | 118.000.000,000 | 9.086.494,455 | 261.000,000 | (258.200,000) | 8.492.110,068 | 9.647.284,698 | 145.228.689,221 |

b) Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành | 11.800,000 | 11.800,000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 11.800,000 | 11.800,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.800,000 | 11.800,000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (25.820) | (25.820) |
| - Cổ phiếu phổ thông | (25.820) | (25.820) |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.774,180 | 11.774,180 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.774,180 | 11.774,180 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

20. Các khoản mục ngoại bảng Căn đối kế toán tổng hợp

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------|-------------|------------|
| Ngòai tệ các loài | 82,99 | 82,99 |
| Dollar Mỹ (USD) | 29.100,000 | 29.100,000 |
| Nợ đã xử lý | 38 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Tổng doanh thu | 880.528.990.342 | 846.783.712.063 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i> | 880.528.990.342 | 846.783.712.063 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | (137.029.000) | (2.402.803.682) |
| <i>Chiết khấu thương mại</i> | (137.029.000) | (2.402.803.682) |
| Doanh thu thuần | 880.391.961.342 | 844.380.908.381 |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán | 779.901.477.453 | 741.449.379.237 |
| Cộng | 779.901.477.453 | 741.449.379.237 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 7.203.849 | 6.264.676 |
| Lãi trái phiếu | 59.800.000 | 62.500.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 362.745.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 65.999 |
| Doanh thu tài chính khác | 22.863.954 | 6.859.186 |
| Cộng | 89.867.803 | 438.434.861 |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| Chi phí lãi vay | 52.086.039.433 | 41.512.264.052 |
| Lãi mua hàng trả chậm, chậm thanh toán | - | 220.438.508 |
| Chiết khấu thanh toán cho người mua | 2.696.629.920 | 3.642.904.284 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 9.240.000 | - |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư | (436.537.773) | (349.896.796) |
| Chi phí tài chính khác | - | 192.224.318 |
| Cộng | 54.355.371.580 | 45.217.934.366 |
| 5. Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí cho nhân viên | 2.103.191.536 | 1.812.037.561 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.081.070.559 | 13.022.403.724 |
| Các chi phí khác | 419.534.709 | 757.340.884 |
| Cộng | 13.603.796.804 | 15.591.782.169 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 9.139.996.790 | 8.365.403.937 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 387.622.612 | 385.822.612 |
| Thuế, phí và lệ phí | 518.628.698 | 408.471.510 |
| Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | 83.794.545 | 156.328.110 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.762.925.910 | 2.069.001.505 |
| Các chi phí khác | 3.978.880.688 | 2.773.282.065 |
| Cộng | 15.871.849.243 | 14.158.309.739 |

7. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|------------------|--------------------|
| Thu tiền ứng hộ | - | 140.000.000 |
| Thu nhập khác | 4.728.000 | 4.055.556 |
| Cộng | 4.728.000 | 144.055.556 |

8. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lỗ thanh lý, dỡ bỏ TSCĐ | 2.115.069.463 | - |
| Chi bồi thường tai nạn lao động | - | 3.178.258.000 |
| Tiền trợ cấp cho nhân viên | 480.000.000 | 3.941.260.180 |
| Các khoản phạt, chậm nộp thuế, BHXH | 3.430.672.149 | 1.038.768.673 |
| Chi ứng hộ | 108.700.000 | 698.600.000 |
| Chi phí khác | 472.419.552 | 431.577.434 |
| Cộng | 6.606.861.164 | 9.288.464.287 |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 10.147.200.901 | 19.257.529.000 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 2.516.026.172 | 4.770.600.621 |
| <i>Tiền phạt truy thu, phạt thuế, BHXH</i> | <i>4.902.077.044</i> | <i>7.156.651.493</i> |
| <i>Lãi vay không được trừ</i> | <i>3.430.672.149</i> | <i>1.038.768.673</i> |
| <i>Chi phí ứng hộ</i> | <i>410.285.343</i> | <i>1.046.445.206</i> |
| <i>Tiền trợ cấp cho nhân viên</i> | <i>108.700.000</i> | <i>698.600.000</i> |
| <i>Chi phí khác</i> | <i>480.000.000</i> | <i>3.941.260.180</i> |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 472.419.552 | 431.577.434 |
| <i>Chi phí lãi vay các năm trước chuyển sang</i> | <i>2.386.050.872</i> | <i>2.386.050.872</i> |
| Thu nhập tính thuế | 12.663.227.073 | 24.028.129.621 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 2.532.645.415 | 4.805.625.924 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | 4.805.625.924 |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 2.532.645.415 | 4.805.625.924 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|---------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.614.555.486 | 14.451.903.076 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 11.774.180 | 11.774.180 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 646,72 | 1.227,42 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 11.774.180 | 11.774.180 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 11.774.180 | 11.774.180 |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 426.754.795.102 | 474.504.235.707 |
| Chi phí nhân công | 21.805.079.325 | 21.591.797.893 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 51.094.243.713 | 40.193.983.064 |
| Thuế, phí và lệ phí | 9.489.339.445 | 10.409.371.350 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | 83.794.545 | 156.328.110 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 238.552.476.924 | 212.220.670.126 |
| Chi phí khác | 65.203.892.425 | 12.671.539.265 |
| Cộng | 812.983.621.479 | 771.747.925.515 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------|----------------|
| Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và phải trả tiền vay thuê tài sản tài chính | - | 7.841.948.677 |
| Bù trừ tiền phải trả tiền vay thuê tài sản tài chính và ký quỹ, ký cược dài hạn | - | 1.041.425.802 |
| Nhận nợ thuế tài chính | - | 17.047.714.516 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a) *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------------|----------------------|
| Tiền lương, tiền thưởng | | |
| Ông Vũ Xuân Nguyên | 340.432.977 | 341.885.740 |
| Ông Phạm Quang Phú | 475.805.894 | 409.079.230 |
| Ông Phạm Việt Thương | 48.000.000 | 48.000.000 |
| Ông Nguyễn Quang Chiến | 394.684.054 | 340.802.385 |
| Ông Nguyễn Văn Đức | 364.769.800 | 335.719.200 |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | 271.812.477 | 166.794.947 |
| Ông Nguyễn Hồng Phong | 785.494.893 | 564.731.167 |
| Ông Nguyễn Đình Hoàng (Miễn nhiệm 01/11/2025) | 318.647.362 | 317.269.468 |
| Bà Vũ Thị Hồng Nhung (Bỏ nhiệm 1/11/2025) | 223.326.177 | - |
| Cộng | 3.222.973.634 | 2.524.282.127 |

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

b) Giao dịch với các bên liên quan khác

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2.

Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh Xi măng và Klinker
Lĩnh vực kinh doanh Bột đá & Đá học

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BAI
 Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Xi măng | Bột đa | Công |
|--|---------|--------|------|
|--|---------|--------|------|

| | | | |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|
| | 697.342.895.486 | 183.049.065.856 | 880.391.961.342 |
| | 697.342.895.486 | 183.049.065.856 | 880.391.961.342 |

| | | | |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|
| | 626.027.970.582 | 153.873.506.871 | 779.901.477.453 |
| | 71.314.924.904 | 29.175.558.985 | 100.490.483.889 |

| | | | |
|--|--|--|------------------|
| | | | 89.867.803 |
| | | | (54.355.371.580) |
| | | | 4.728.000 |
| | | | (6.606.861.164) |
| | | | (2.532.645.415) |

| | | | |
|--|--|--|---------------|
| | | | 7.614.555.486 |
|--|--|--|---------------|

| | | | |
|--|----------------|----------------|----------------|
| | 43.415.677.593 | 174.806.548 | 43.590.484.141 |
| | 43.042.754.370 | 11.295.622.986 | 54.338.377.356 |

Năm nay
 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài
 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí theo bộ phận
 Kết quả kinh doanh theo bộ phận
 Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh
 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính
 Thu nhập khác
 Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

|| F. | O. N. | V. | V. | - | 2 / 8 ||

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị số sách | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.062.226.892 | 7.092.360.388 | 6.062.226.892 | 7.092.360.388 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 163.826.458.390 | 364.862.396.871 | 163.826.458.390 | 364.862.396.871 |
| Các khoản phải thu khác | 8.257.242.424 | 11.826.872.971 | 8.257.242.424 | 11.826.872.971 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 4.262.469.000 | 3.825.931.227 | 4.262.469.000 | 3.825.931.227 |
| Cộng | 183.408.396.706 | 388.607.561.457 | 183.408.396.706 | 388.607.561.457 |

Nợ phải trả tài chính

| | | | | |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay và nợ | 679.155.583.822 | 575.468.514.656 | 679.155.583.822 | 575.468.514.656 |
| Phải trả người bán | 297.188.242.094 | 510.127.254.313 | 297.188.242.094 | 510.127.254.313 |
| Các khoản phải trả khác | 35.490.909.420 | 56.441.368.993 | 35.490.909.420 | 56.441.368.993 |
| Cộng | 1.011.834.735.336 | 1.142.037.137.962 | 1.011.834.735.336 | 1.142.037.137.962 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| Số cuối năm | Từ 1 năm | | Trên 1 năm đến | | Cộng |
|-------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|------|
| | trở xuống | 5 năm | 5 năm | Trên 5 năm | |
| Vay và nợ | 353.676.532.981 | 278.909.050.841 | 46.570.000.000 | 679.155.583.822 | |
| Phải trả người bán | 157.325.761.727 | 139.862.480.367 | - | 297.188.242.094 | |
| Các khoản phải trả khác | 35.490.909.420 | - | - | 35.490.909.420 | |
| Cộng | 546.493.204.128 | 418.771.531.208 | 46.570.000.000 | 1.011.834.735.336 | |

Số đầu năm

| | | | | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Vay và nợ | 292.594.631.944 | 184.903.882.712 | 97.970.000.000 | 575.468.514.656 |
| Phải trả người bán | 369.127.254.313 | 141.000.000.000 | - | 510.127.254.313 |
| Các khoản phải trả khác | 56.441.368.993 | - | - | 56.441.368.993 |
| Cộng | 718.163.255.250 | 325.903.882.712 | 97.970.000.000 | 1.142.037.137.962 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 105.573.612.032 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình Bắc Yên Bái cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính được lập theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 26 tháng 03 năm 2026

Giám đốc



Vũ Quang Linh

Vũ Thị Hồng Nhung

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

| Số đầu năm | Số cuối năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Gia gốc | Dự phòng |
| | 11.488.913.534 | 7.856.327.627 |
| Công nợ phải thu khách hàng | | |
| 20 MICRONS LIMITED | 82.852.241 | 82.852.241 |
| 20 MICRONS SDN. BHD. | 16.543.384 | 16.543.384 |
| Bà Hương Cài | 9.594.600 | 9.594.600 |
| Bà Hào | 17.540.000 | 17.540.000 |
| Bà Lon - Km 13 | 11.736.000 | 11.736.000 |
| CN Cty/TNHH/TV hoti KN que hàn-NM | 166.436.500 | 166.436.500 |
| DB&HC Trảng Kênh | 99.820.600 | 99.820.600 |
| Cty TNHH xi măng Việt Quang | 39.500.000 | 39.500.000 |
| Cty TNHH TM và Đầu tư Bắc Việt | 6.400.000 | 6.400.000 |
| Công ty CP sản xuất thương mại ATD | 68.000.000 | 68.000.000 |
| Công ty CP TM & oto Hàn Việt | 59.700.000 | 59.700.000 |
| Công ty CP XD & PT cơ sở hạ tầng | 21.600.000 | 21.600.000 |
| VINASHIN | 17.758.006 | 17.758.006 |
| Công ty CP XD và thương mại Tiên Thành | 123.905.700 | 123.905.700 |
| Công ty CP xi măng Lai Châu | 7.420.410 | 7.420.410 |
| Công ty CP XL và Thương mại Ba Vì | - | - |
| Công nơ đầ thu hồi | 444.956.000 | 444.956.000 |
| Quả hạn trên 3 năm | 104.820.000 | 104.820.000 |
| Công ty cổ phần xây dựng và Đầu tư Hà Nội | 104.820.000 | 104.820.000 |
| Công ty cổ phần giao thông - Xây dựng HICI | 6.385.000 | 6.385.000 |
| Quả hạn trên 3 năm | 6.569.045 | 6.569.045 |
| Công ty cổ phần Hoà phẩm Dầu khí DMC | 6.385.000 | 6.385.000 |
| Quả hạn trên 3 năm | 6.569.045 | 6.569.045 |
| Dự phòng | 7.940.122.172 | 7.940.122.172 |
| Số đầu năm | 11.727.212.114 | 11.727.212.114 |
| Gia gốc | 7.940.122.172 | 7.940.122.172 |
| Dự phòng | 11.727.212.114 | 11.727.212.114 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

| Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng | Số đầu năm | |
|--------------------|-------------|-------------|--------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| | | | | | | Dự phòng | Dự phòng |
| Quá hạn trên 3 năm | 175.784.204 | 175.784.204 | Quá hạn trên 3 năm | 175.784.204 | 175.784.204 | 227.675.000 | 325.250.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 325.250.000 | 325.250.000 | Quá hạn trên 3 năm | 227.675.000 | 227.675.000 | 58.200.000 | 58.200.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 58.200.000 | 58.200.000 | Quá hạn trên 3 năm | 310.695.000 | 310.695.000 | 105.860.000 | 105.860.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 105.860.000 | 105.860.000 | Quá hạn trên 3 năm | 13.843.000 | 13.843.000 | 55.000.000 | 55.000.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 13.843.000 | 13.843.000 | Quá hạn trên 3 năm | 38.418.400 | 38.418.400 | 52.160.000 | 52.160.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 38.418.400 | 38.418.400 | Quá hạn trên 3 năm | 82.510.300 | 82.510.300 | 40.000.000 | 40.000.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 40.000.000 | 40.000.000 | Quá hạn trên 3 năm | 8.285.500 | 8.285.500 | 55.500.000 | 55.500.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 8.285.500 | 8.285.500 | Quá hạn trên 3 năm | 55.500.000 | 55.500.000 | 3.133.550 | 3.133.550 |
| Quá hạn trên 3 năm | 3.133.550 | 3.133.550 | Quá hạn trên 3 năm | 156.800.000 | 156.800.000 | 87.100.000 | 87.100.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 156.800.000 | 156.800.000 | Quá hạn trên 3 năm | 87.100.000 | 87.100.000 | 44.550.000 | 44.550.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 87.100.000 | 87.100.000 | Quá hạn trên 3 năm | 64.004.928 | 64.004.928 | 64.004.928 | 64.004.928 |
| Quá hạn trên 3 năm | 64.004.928 | 64.004.928 | Quá hạn trên 3 năm | 52.175.925 | 52.175.925 | 54.000.000 | 54.000.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 54.000.000 | 54.000.000 | Quá hạn trên 3 năm | | | | |

Miền bắc
 Công ty cổ phần LILAMA 3
 Công ty cổ phần sản xuất và vận tải Thái Sơn
 Công ty cổ phần XD và TM Sông Hồng
 Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thanh Xuân
 Công ty cổ phần xây lắp và Đầu tư Sông Đà
 Công ty cầu 13
 Công ty TM Hà Long
 Công ty TNHH Bình Minh
 Công ty TNHH Chiến Công
 Công ty TNHH Chính Dũng
 Công ty TNHH Duy Thanh
 Công ty TNHH Gia Phát
 Công ty TNHH Hải Ninh
 Công ty TNHH Hợp Lực
 Công ty TNHH Hùng dũng
 Công ty TNHH kỹ nghệ Thái Dương
 Công ty TNHH Long Thịnh
 Công ty TNHH MTV Thương mại và XD Quốc Tuấn
 Công ty TNHH một thành viên thương mại
 Công ty TNHH một thành viên 207
 Hưng Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

| Số đầu năm | | Số cuối năm | |
|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc |
| 14.400.000 | 14.400.000 | 14.400.000 | 14.400.000 |
| 130.000.000 | 130.000.000 | 130.000.000 | 130.000.000 |
| 330.718.000 | 330.718.000 | 330.718.000 | 330.718.000 |
| 59.382.440 | 59.382.440 | 59.382.440 | 59.382.440 |
| 12.279.000 | 12.279.000 | 12.279.000 | 12.279.000 |
| 3.840.000 | 3.840.000 | 3.840.000 | 3.840.000 |
| 63.921.275 | 63.921.275 | 63.921.275 | 63.921.275 |
| 23.276.000 | 23.276.000 | 23.276.000 | 23.276.000 |
| 10.950.000 | 7.665.000 | 7.665.000 | 10.950.000 |
| 4.100.000 | 4.100.000 | 4.100.000 | 4.100.000 |
| 20.969.775 | 20.969.775 | 20.969.775 | 20.969.775 |
| 57.300.000 | 57.300.000 | 57.300.000 | 57.300.000 |
| 1.325.000 | 1.325.000 | 1.325.000 | 1.325.000 |
| 93.870.000 | 93.870.000 | 93.870.000 | 93.870.000 |
| 100.730.000 | 100.730.000 | 100.730.000 | 100.730.000 |
| 41.950.000 | 41.950.000 | - | 41.950.000 |
| 51.680.000 | 51.680.000 | 51.680.000 | 51.680.000 |
| 19.705.400 | 19.705.400 | 19.705.400 | 19.705.400 |
| 3.079.999 | 3.079.999 | 3.079.999 | 3.079.999 |
| 218.257.365 | 218.257.365 | 218.257.365 | 218.257.365 |
| 12.000.000 | 12.000.000 | 12.000.000 | 12.000.000 |
| 500.000 | 500.000 | 500.000 | 500.000 |
| 33.875.000 | 33.875.000 | 33.875.000 | 33.875.000 |
| 35.885.000 | 35.885.000 | 35.885.000 | 35.885.000 |

Công ty TNHH một thành viên Việt Nhi
 Công ty TNHH một thành viên Tây Bắc
 Công ty TNHH Nam Thanh
 Công ty TNHH Nhung Hùng Lào Cai
 Công ty TNHH Phú giang
 Công ty TNHH Quang Long
 Công ty TNHH SX TM Thái Thịnh Hoàng
 Công ty TNHH sản xuất & TM Mỹ Đức
 Công ty TNHH Thanh Long
 Công ty TNHH Tuấn
 Công ty TNHH thương mại Gia Tung
 Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đại Trường Phúc
 Công ty TNHH TM DV SINABO
 Công ty TNHH Tùng Hương
 Công ty TNHH xây dựng công trình số VI
 Công ty TNHH Đăng Khoa
 Công ty TNHH Đại Hưng
 Công ty TNHH Đất Đá
 Cửa hàng Phú Lương
 DNTN TM - DV - SX Tân Hải Nam
 Doanh nghiệp TN Tin Phát
 Doanh nghiệp TN Việt Trung
 Doanh nghiệp tư nhân Oanh Hiếu
 Doanh nghiệp tư nhân Thanh Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

| Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------|-------------|-------------------|-------------|
| Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| Quá hạn trên 3 năm | 178.436.004 | 124.905.203 | 178.436.004 |
| Quá hạn trên 3 năm | 849.782 | 849.782 | 849.782 |
| Quá hạn trên 3 năm | 2.853.395 | 2.853.395 | 2.853.395 |
| Quá hạn trên 3 năm | 24.000.000 | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 10.100.000 | 10.100.000 | 10.100.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 8.640.000 | 8.640.000 | 8.640.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 3.841.420 | 3.841.420 | 3.841.420 |
| Quá hạn trên 3 năm | 60.000.000 | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 295.650 | 295.650 | 295.650 |
| Quá hạn trên 3 năm | 13.055.750 | 13.055.750 | 13.055.750 |
| Quá hạn trên 3 năm | 98.707.565 | 98.707.565 | 98.707.565 |
| Quá hạn trên 3 năm | 10.950.000 | 10.950.000 | 10.950.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 14.832.000 | 14.832.000 | 14.832.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 1.400.000 | 1.400.000 | 1.400.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 24.462.000 | 24.462.000 | 24.462.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 5.916.000 | 5.916.000 | 5.916.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 2.728.000 | 2.728.000 | 2.728.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 10.230.000 | 10.230.000 | 10.230.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 3.112.390 | 3.112.390 | 3.112.390 |
| Quá hạn trên 3 năm | 10.000.000 | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 5.373.650 | 5.373.650 | 5.373.650 |
| Quá hạn trên 3 năm | 2.160.000 | 2.160.000 | 2.160.000 |
| Quá hạn trên 3 năm | 4.982.800 | 4.982.800 | 4.982.800 |
| Quá hạn trên 3 năm | 3.450.000 | 3.450.000 | 3.450.000 |

Doanh nghiệp tư nhân Vinh Tập
 Gulshan Polyoils Limited
 Jupiter Chemicals
 Nguyễn Trung Kiên
 Nguyễn Trí Dũng
 Ngô Chí Dũng
 Sathak International
 Tà Văn Tuyền
 VIMAL MICRONS LTD
 Vũ Hoàng Chương
 XNCN& DV TMTHT Nam Việt- Cty CP tập
 đoàn Tân Mai
 Xi nghiệp giấy Hiên Hoà
 Ô.Tuy- Cty H/C khoáng sản XD
 Ông Dũng - Sở xây dựng
 Ông Hưng - Thanh tra
 Ông Nuôi - Yên Bái
 Ông Qui - Sở địa chính
 Ông Sao - Viện nghiên cứu mây
 Ông Thuấn - Cục dầu tư
 Ông Thương
 Ông Toàn - Cty CPXD & KD nhà
 Ông Trần Ngọc Lý
 Ông Văn
 Ông Vũ Nuy - Yên Bái

